



CNC SEIKI VIETNAM CO., LTD.

CNC Cable Tray and Ladder SEIKI



Dear Valued Customers,

First and foremost, CNC SEIKI VIETNAM Co., Ltd. would like to extend our sincere greetings and best wishes for your health!

CNC SEIKI VIETNAM was established on July 15, 2015. We have successfully completed numerous large and small projects with partners both domestically and internationally in various fields: mechanical engineering, machinery, electronics, electricity, construction, industry, and supporting industries.

In the context of growing industrial and technological development, the management and protection of electrical cable systems have become extremely important. In this trend, cable trays emerge as a comprehensive solution to protect, manage, and arrange electrical cables efficiently. With types such as powder-coated cable trays, ZAM galvanized cable trays, zinc-plated cable trays, and stainless steel cable trays, choosing a system that meets the specific needs of each project has never been easier. Among the companies supplying cable trays, CNC SEIKI VIETNAM stands out with its commitment to quality, high safety standards, and competitive pricing. With modern equipment and strict production processes, CNC SEIKI has proven to be a reliable partner for providing leading cable tray solutions in the market.

CNC SEIKI VIETNAM Co., Ltd. Director

Ability

With a modern machinery and equipment system, along with a high-quality workforce, we are confident in delivering high-quality products to our customers at the most competitive prices and with the best service.



BVQA

CHỨNG NHẬN

Trao cho

CÔNG TY TNHH CNC SEIKI VIỆT NAM

Địa chỉ ĐKKD: Nhà số 5, Đường 3/6/2, Khu đô thị Gamuda Garden, Phường Trần Phú,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng (địa chỉ được đánh giá): P1002, Tòa C, Chung cư The Zen Gamuda,

KĐT Gamuda Garden, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Xưởng sản xuất (địa chỉ được đánh giá): Thôn Đại Lỗ, Xã Ninh Sở, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tổ chức chứng nhận quốc tế BVQA chứng nhận Hệ thống quản lý của tổ chức trên đã được đánh giá và
xác nhận tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý chi tiết dưới đây

TIÊU CHUẨN

ISO 9001:2015

LĨNH VỰC CUNG CẤP

**Sản xuất và cung cấp các sản phẩm
cơ khí, tủ điện**

Phê duyệt lần đầu ngày: 18-04-2023

Với điều kiện tiếp tục vận hành Hệ thống quản lý mà Tổ chức đã thiết lập theo các yêu cầu của tiêu
chuẩn trên, và chịu sự giám sát định kỳ của BVQA.

Chứng chỉ này có hiệu lực đến: 18-04-2026

Để kiểm tra hiệu lực của chứng chỉ này, hãy vào website www.bvqa.org

Số hiệu chứng nhận: 2023-QMS-23030

Chứng chỉ này được cấp bởi BVQA và phải tuân thủ các yêu cầu.



Hà Nội, 18-04-2023

BVQA Certification Head Office: 10/20C, Business Center Zone, A1 Street Park Tower, Ngõ 01, Trần Phú Thôn Cổ, Phường 10A, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tel: +84-24-36607733, Fax: +84-24-36607730

Ông Oliver Henry
Giám đốc tư vấn chứng nhận
TM BVQA Vietnam

BVQA

CERTIFICATE

Awarded to

VIET NAM CNC SEIKI COMPANY LIMITED

Registered Head Office: House No. 5, Street 3.6/2, Gamuda Garden Urban Area,
Tran Phu Ward, Hoang Mai District, Hanoi City, Vietnam

Office (The Audited Site): P1002, C Building, The Zen Gamuda Apartment,
Tran Phu Ward, Hoang Mai District, Hanoi City, Vietnam

Factory (The Audited Site): Dai Lo Hamlet, Ninh So Commune, Thuong Tin
District, Hanoi City, Vietnam

BVQA International Certification Body certifies that the Management System of the above organization has
been audited and found to be in accordance with the requirements of the Management System standard
detailed below
STANDARD

ISO 9001:2015

SCOPE OF SUPPLY

Manufacture and supply of mechanical parts, electrical cabinets

Original approval date: 18-04-2023

Subject to the continued satisfactory operation of the organization's Management System to the above
standard, which will be monitored by BVQA.

This certificate is valid until: 18-04-2026

To check this certificate validity please visit www.bvqa.org

Certificate Registration No.: 2023-QMS-23030

This certificate remain the property of BVQA and must be returned on request.



Oliver Henry
Head of Certification
For BVQA Vietnam

Hanoi, 18-04-2023

BVQA Certification Head Office: T1-07C, Namson Center Zone, A1 Green Park Towers No. 15, Tran Phu St. South. Hoang Mai Ward, Hoang Mai District, Hanoi City, Vietnam.
Tel: +84 24 36487734, Fax: +84 24 36487733

cable-Trungking

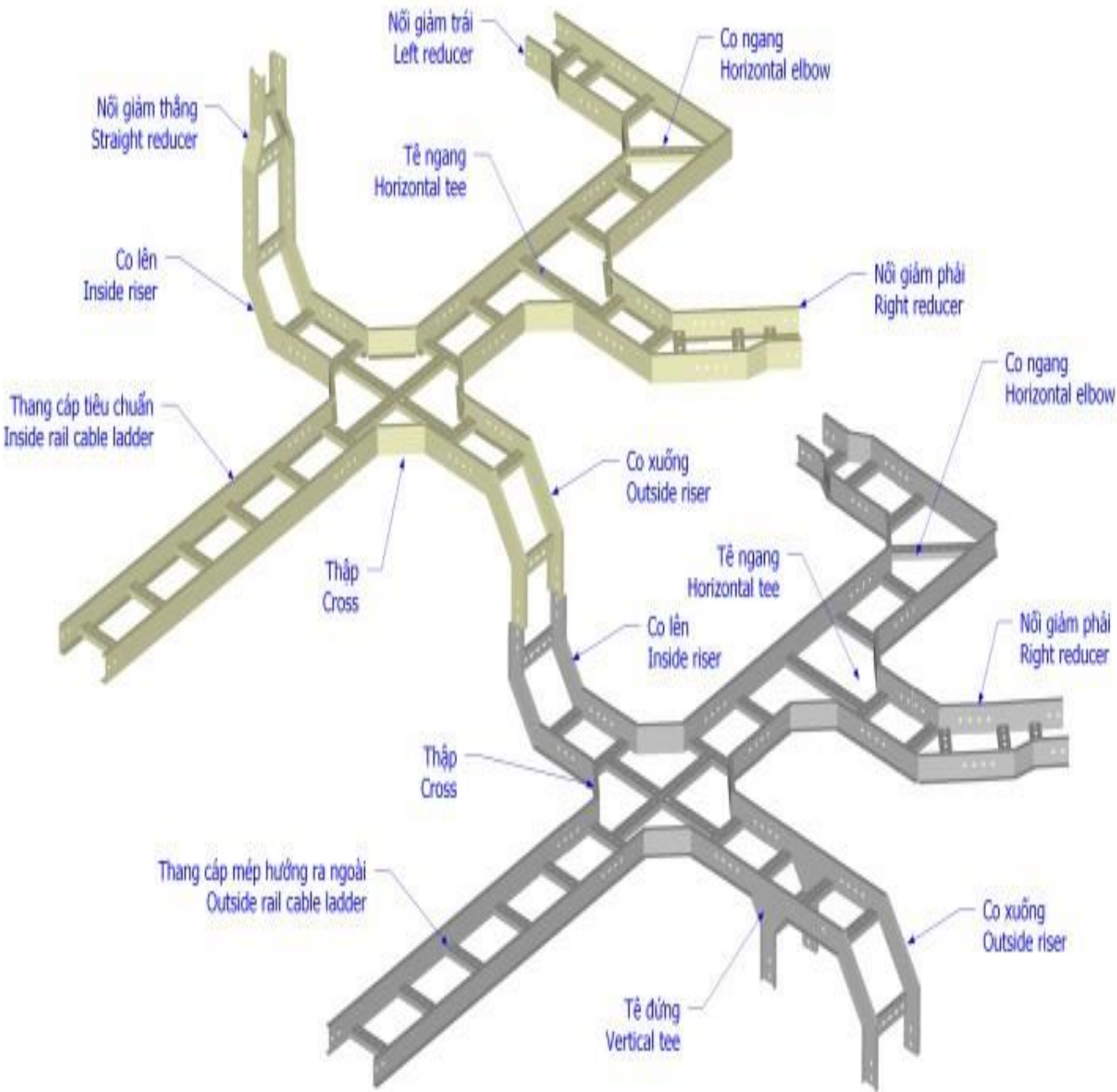
Cable trays are ladder-like structures made of sheet metal, used for routing electrical and network cables in buildings and industrial areas.

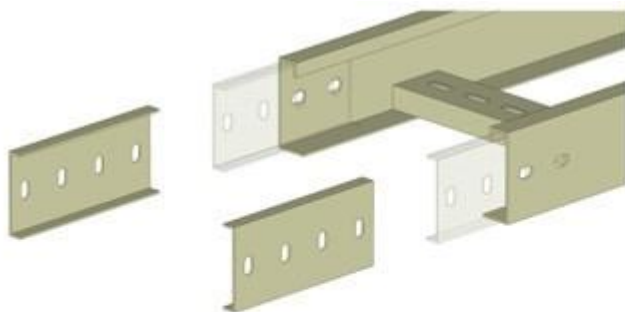
Standard Characteristics:

- Materials:** Powder-coated sheet metal, galvanized sheet metal, ZAM sheet metal
- Standard Length:** 2.5 meters or 3 meters per piece
- Width Dimensions:** 200 to 1000 mm
- Height Dimensions:** 50 to 150 mm
- Common Colors:** White, wrinkled cream, or orange
- Standards:** RCVN 10688:2015 / IEC 61537:2006

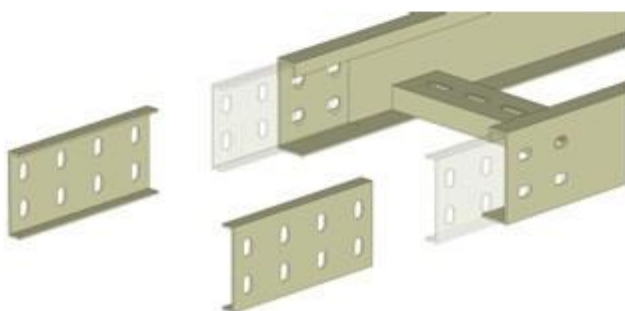


BASIC COMPONENTS:

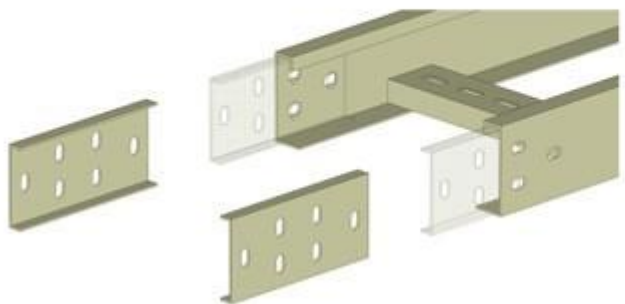




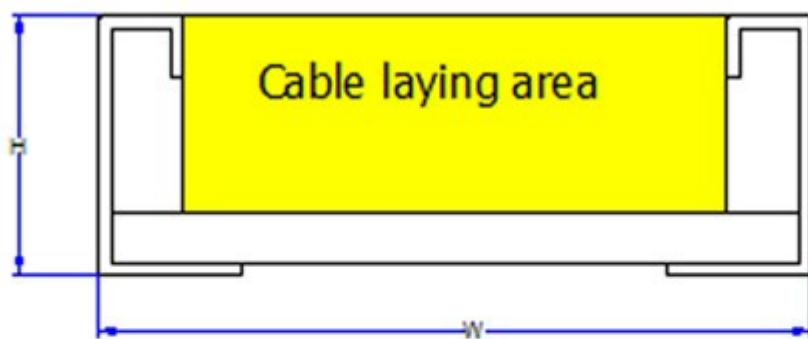
Lỗ nổi dạng 1 (Mặc định)
Hole type 1 (Default)



Lỗ nổi dạng 2 (Theo yêu cầu)
Hole type 2 (On request)



Lỗ nổi dạng 3 (Theo yêu cầu)
Hole type 3 (On request)



Khả năng chứa cáp tối đa của thang cáp phụ thuộc vào mặt cắt được tính ước lượng theo công thức:

The estimate maximum cable weight may be arrived at using the following guide:

Max. cabling capacity (kg/m) = Cable laying area (mm²) x 0.0028

Ví dụ *Example* : H100 x W200

Max = (100-20) x (200-40) x 0.0028 $\cong$ 36kg/m

➤ Một số quy cách thông dụng *Common sizes* :

MÃ SẢN PHẨM <i>PRODUCT CODE</i>	KÍCH THƯỚC <i>DIMENSION</i>		CHIỀU DÀY <i>THICKNESS (mm)</i>
	H (mm)	W (mm)	
TC50x100x1.0	50	100	1.0
TC50x150x1.0	50	150	1.0
TC50x200x1.2	50	200	1.2
TC50x300x1.2	50	300	1.2
TC75x150x1.2	75	150	1.2
TC75x200x1.2	75	200	1.2
TC75x300x1.5	75	300	1.5
TC100x200x1.2	100	200	1.2
TC100x300x1.5	100	300	1.5
TC100x400x2.0	100	400	2.0
TC100x500x2.0	100	500	2.0
TC100x600x2.0	100	600	2.0
TC100x700x2.5	100	700	2.5
TC100x800x2.5	100	800	2.5
TC100x900x3.0	100	900	3.0
TC100x1000x3.0	100	1000	3.0
TC100x1200x3.0	100	1200	3.0
TC150x200x1.2	150	200	1.2
TC150x300x1.5	150	300	1.5
TC150x400x2.0	150	400	2.0
TC150x500x2.0	150	500	2.0
TC150x600x2.0	150	600	2.0
TC150x700x2.5	150	700	2.5

➤ Mã sản phẩm *product code*: **TC** **H** x **W** x **I**

- **TC**: Thang cáp *Cable ladder*
- **H**: Chiều cao thang cáp *Height*.
- **W**: Chiều ngang thang cáp *Width*.
- **I**: Độ dày vật liệu *Thickness*.

➤ Các thông tin cần thiết khác *Following informations are needed*:

- Vật liệu và hoàn thiện bề mặt *Material and surface finish*
- Có nắp hay không nắp *With or without cover*
- Thông tin thêm về dạng lỗ (nếu cần) *Hole type (if needed)*



product



Co ngang thang cáp



Co xuống thang cáp



Tê ngang thang cáp



Tê xuống thang cáp



Ngã tư thang cáp



Nối giảm đều thang cáp



Nối giảm bên phải thang cáp



Nối giảm bên trái thang cáp

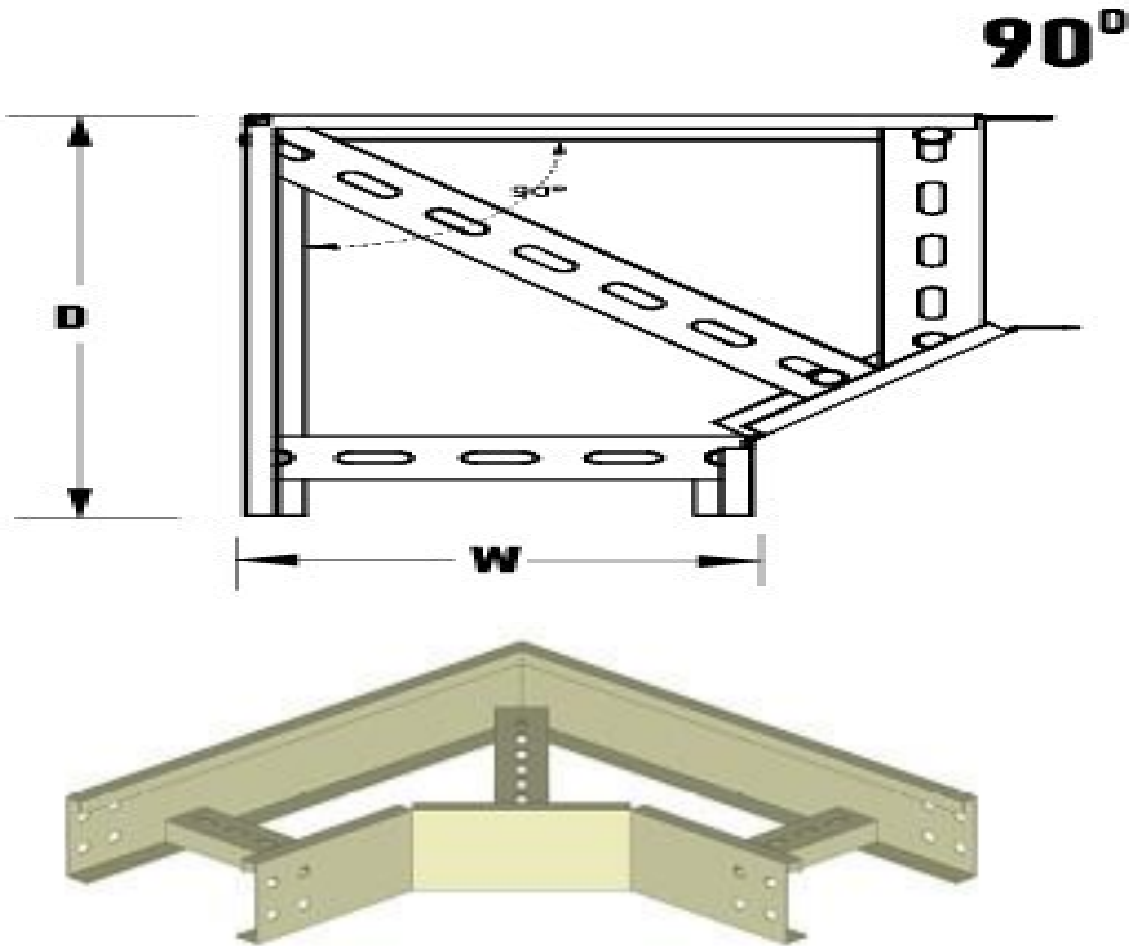


Co ngang 45 độ thang cáp



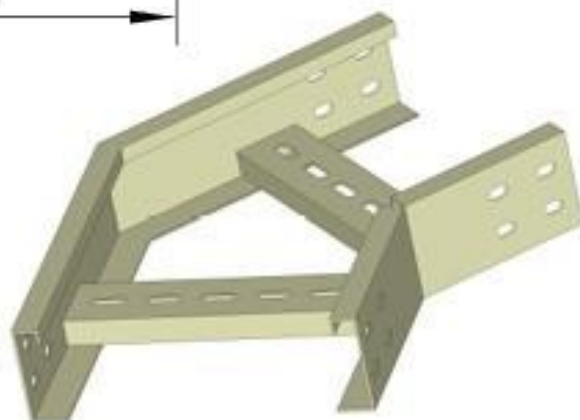
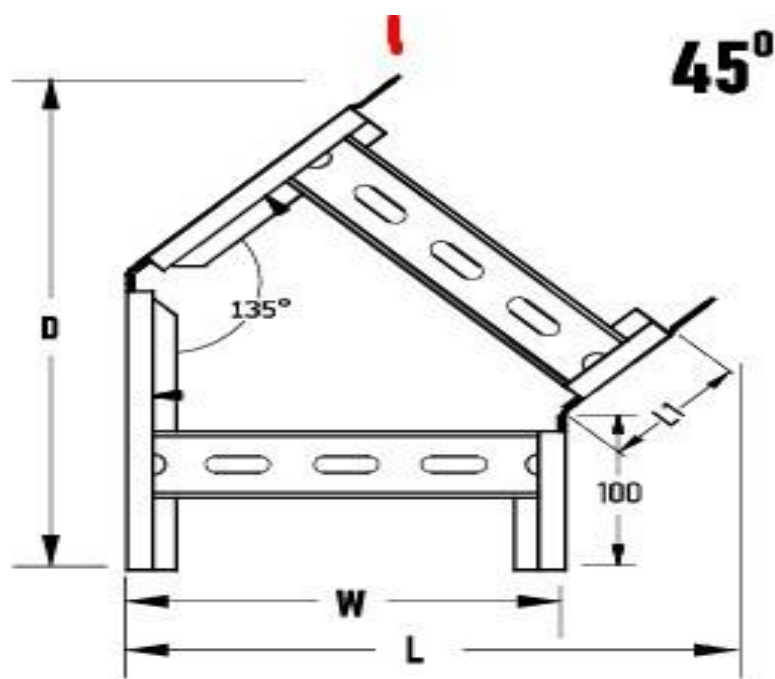
Co lên thang cáp

Cable Tray Crossbars



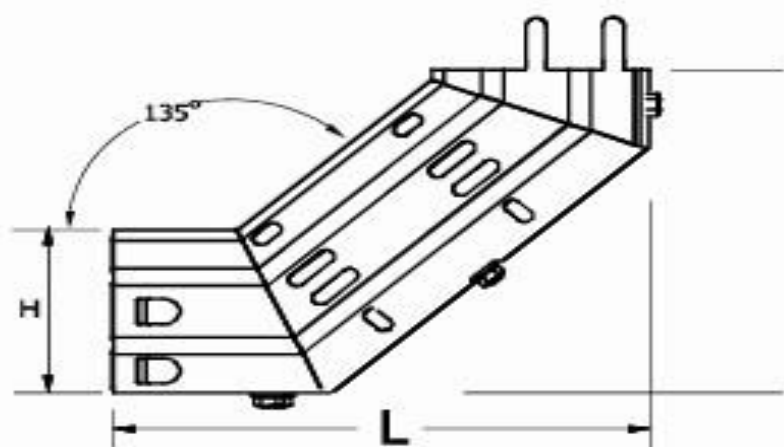
Chiều rộng cơ bản (W)	90°
	L = D
200	400
300	500
400	600
500	700
600	800
700	900
800	1000
900	1100
1000	1200
1100	1300
1200	1400

Degree Cable Tray Elbows
(Horizontal Crossbars)

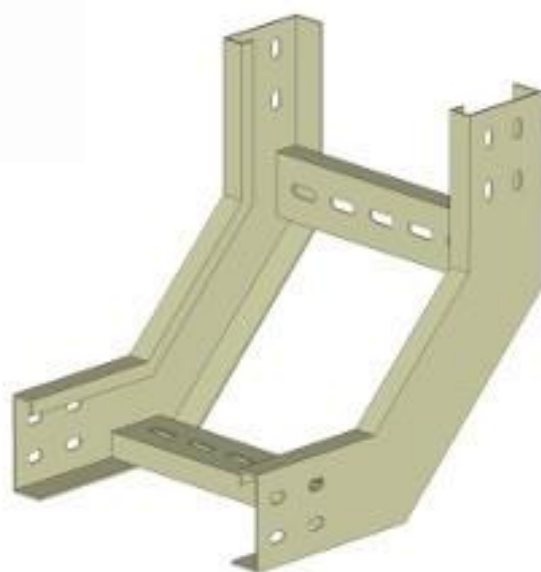


Chiều rộng cơ bản (W)	45°		
	L	L1	D
200	271	100	342
300	371	100	413
400	471	100	483
500	571	100	554
600	671	100	625
700	771	100	696
800	871	100	767
900	971	100	838
1000	1071	100	909
1100	1171	100	970
1200	1271	100	1041

Product

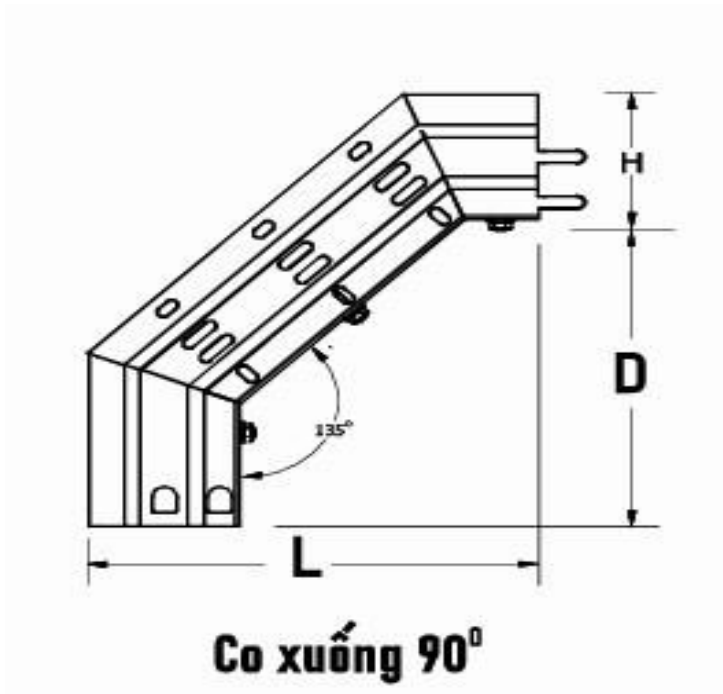


Co lên 90°



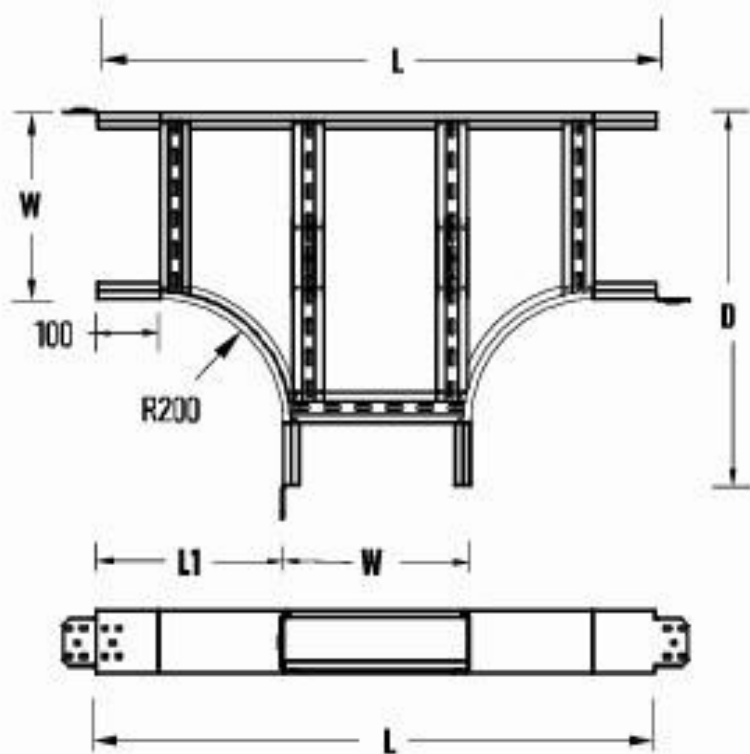
Chiều cao cơ bản (H)	Co lên 90°	
	L	L1
50	200	142
100	300	142
150	400	142
200	500	142

Cable Tray Downward Elbows



Chiều cao cơ bản (H)	Co xuống 90°	
	L	L1
50	200	142
100	300	142
150	400	142
200	500	142

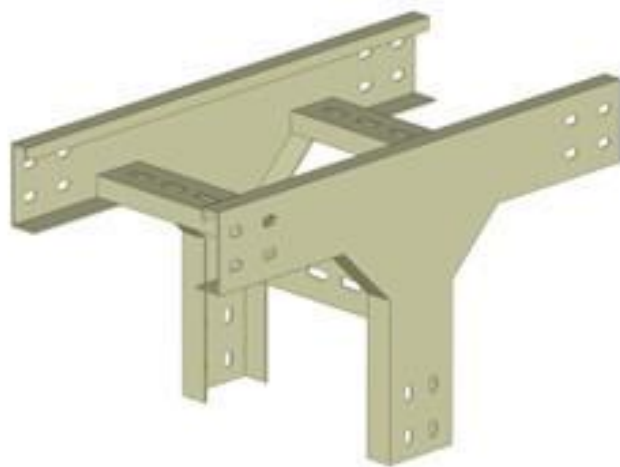
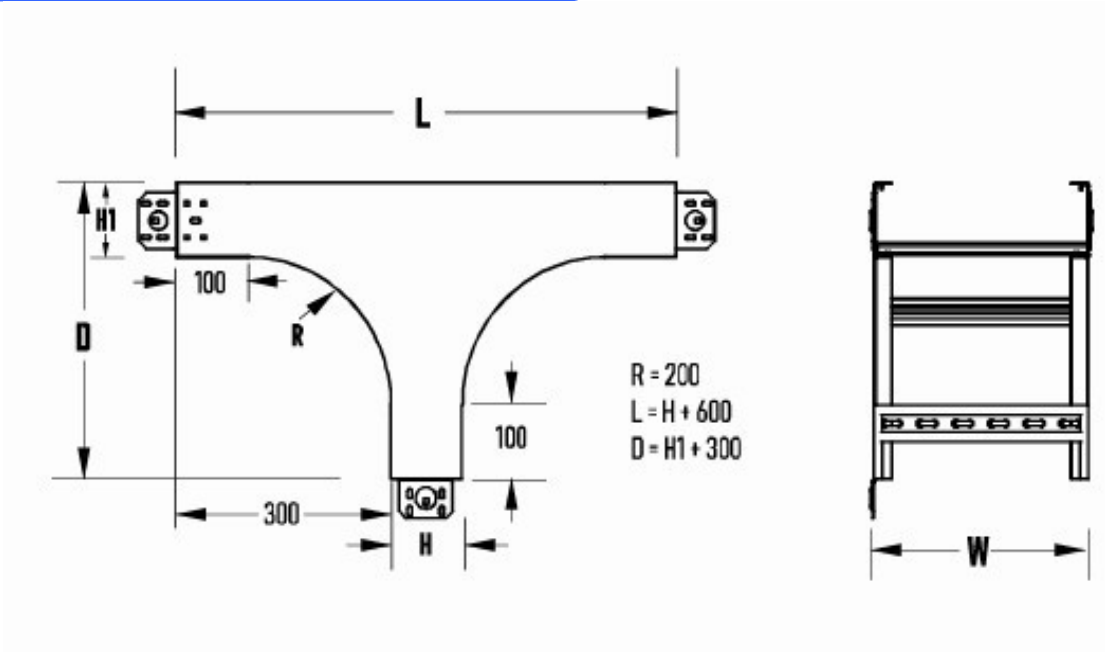
Product



$R = 200$
 $D = R + W + 200$
 $L = W \times 2 + 400$

Chiều rộng cơ bản (W)	L	D
100	500	900
200	600	1000
300	700	1100
400	800	1200
500	900	1300
600	1000	1400
700	1100	1500
800	1200	1600

Cable Tray Downward Tee



Chiều rộng cơ bản (W)

L

D

100

700

350 ~ 1100

200

800

350 ~ 1100

300

900

350 ~ 1100

400

1000

350 ~ 1100

500

1100

350 ~ 1100

600

1200

350 ~ 1100

700

1300

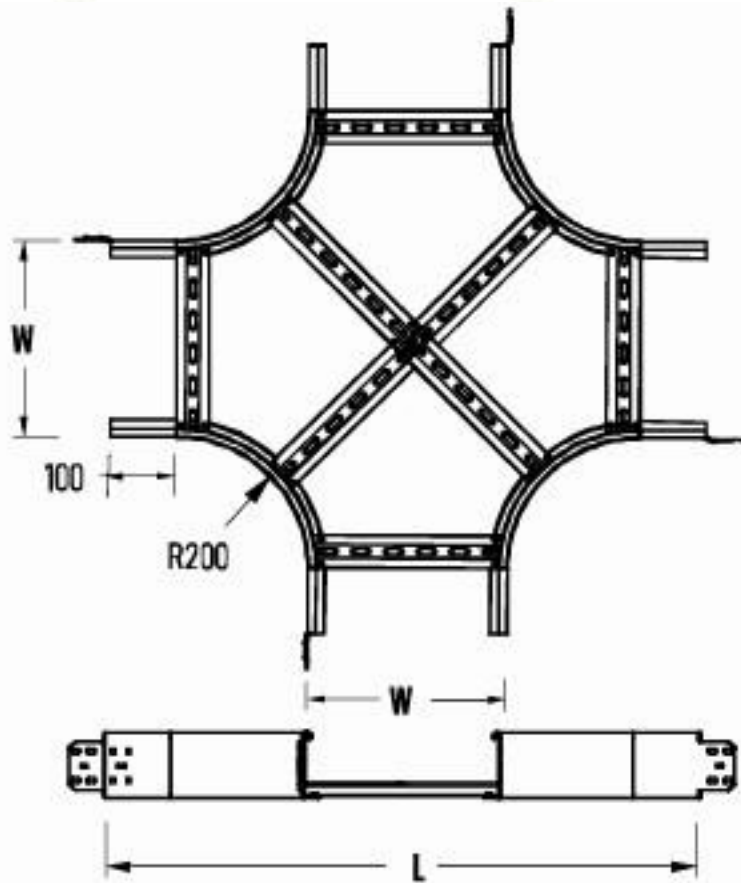
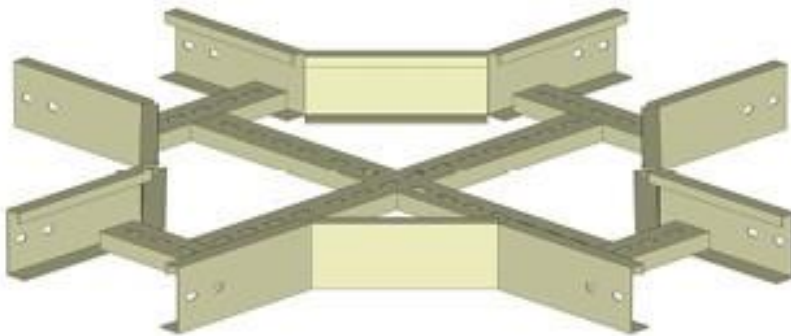
350 ~ 1100

800

1400

350 ~ 1100

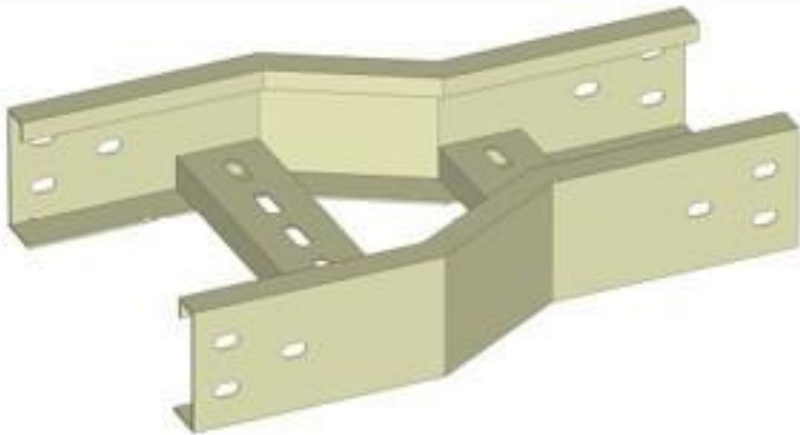
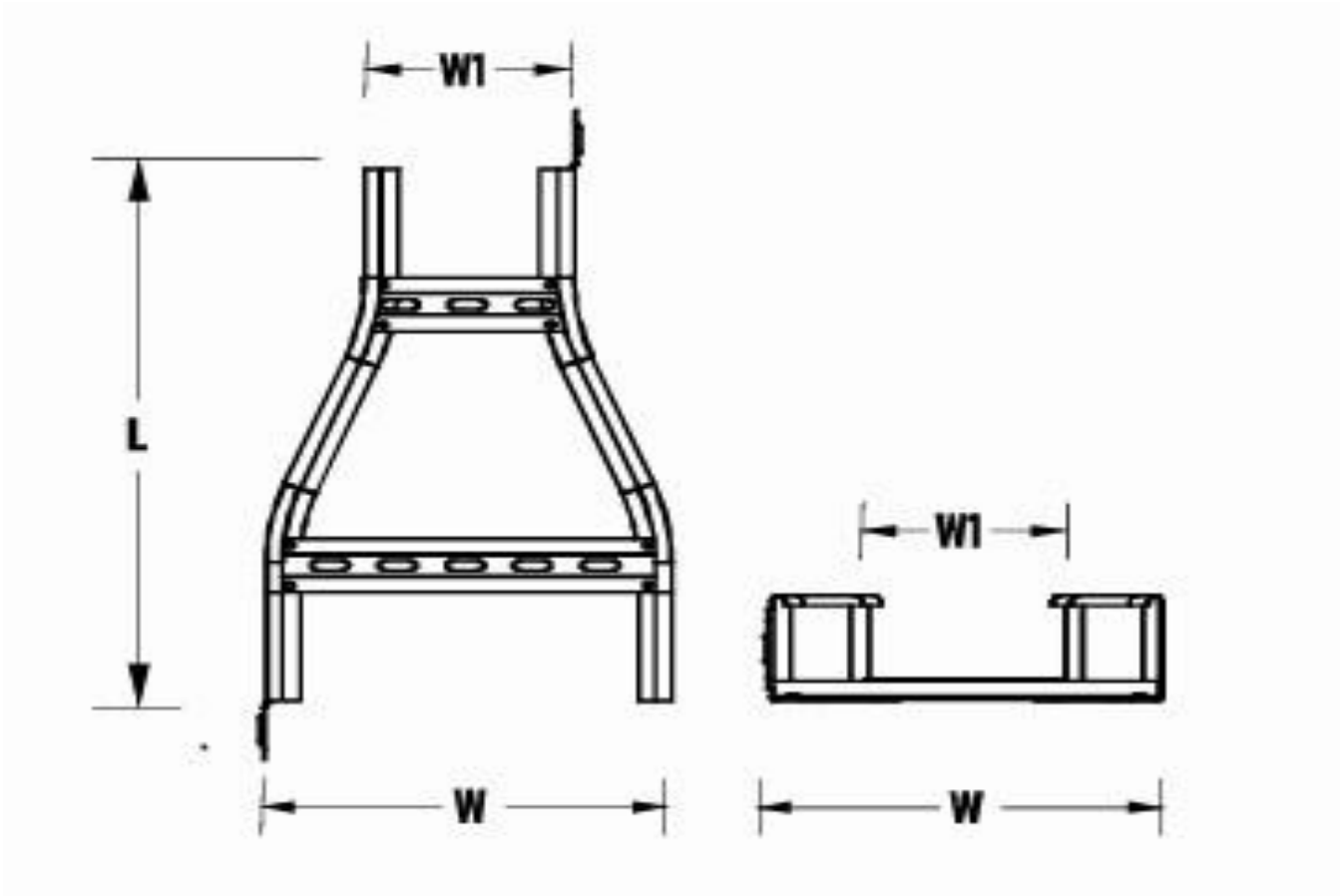
Cable Tray Intersection (or Cross)



$R = 200$
 $L = W + R \times 2 + 400$

Chiều rộng cơ bản (W)	L	D
100	900	900
200	1000	1000
300	1100	1100
400	1200	1200
500	1300	1300
600	1400	1400
700	1500	1500
800	1600	1600

Equal Reducer for Cable Tray



Chiều rộng cơ bản (W)	L	W 1
200	250	100
300	250	200
400	250	300
500	250	400
600	300	500
700	300	600
800	300	700

Cable Tray

Cable tray is also known as electrical tray. The English name is Cable Tray or Trunking, which is a trough system that supports, contains and protects conduct electricity, power cables, and network cables external factors in fluence, At the same time, it also increases the lifespan of the product types of wires, creating safety for users, as well as the project install them. Standard Characteristics:

Materials: Powder-coated sheet metal, galvanized sheet metal, ZAM sheet metal

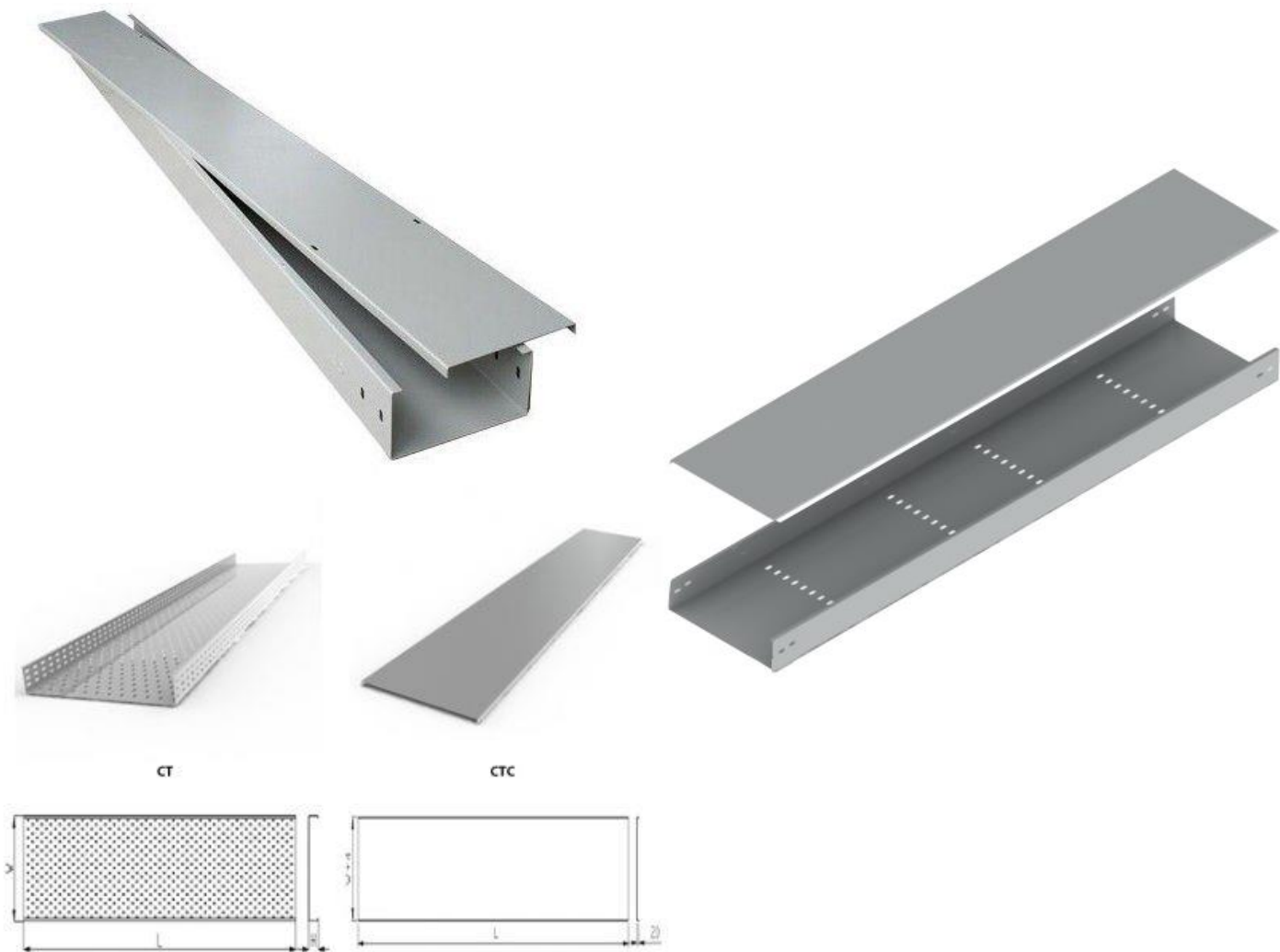
Standard Length: 2.5 meters or 3 meters per piece

Width Dimensions: 200 to 1000 mm

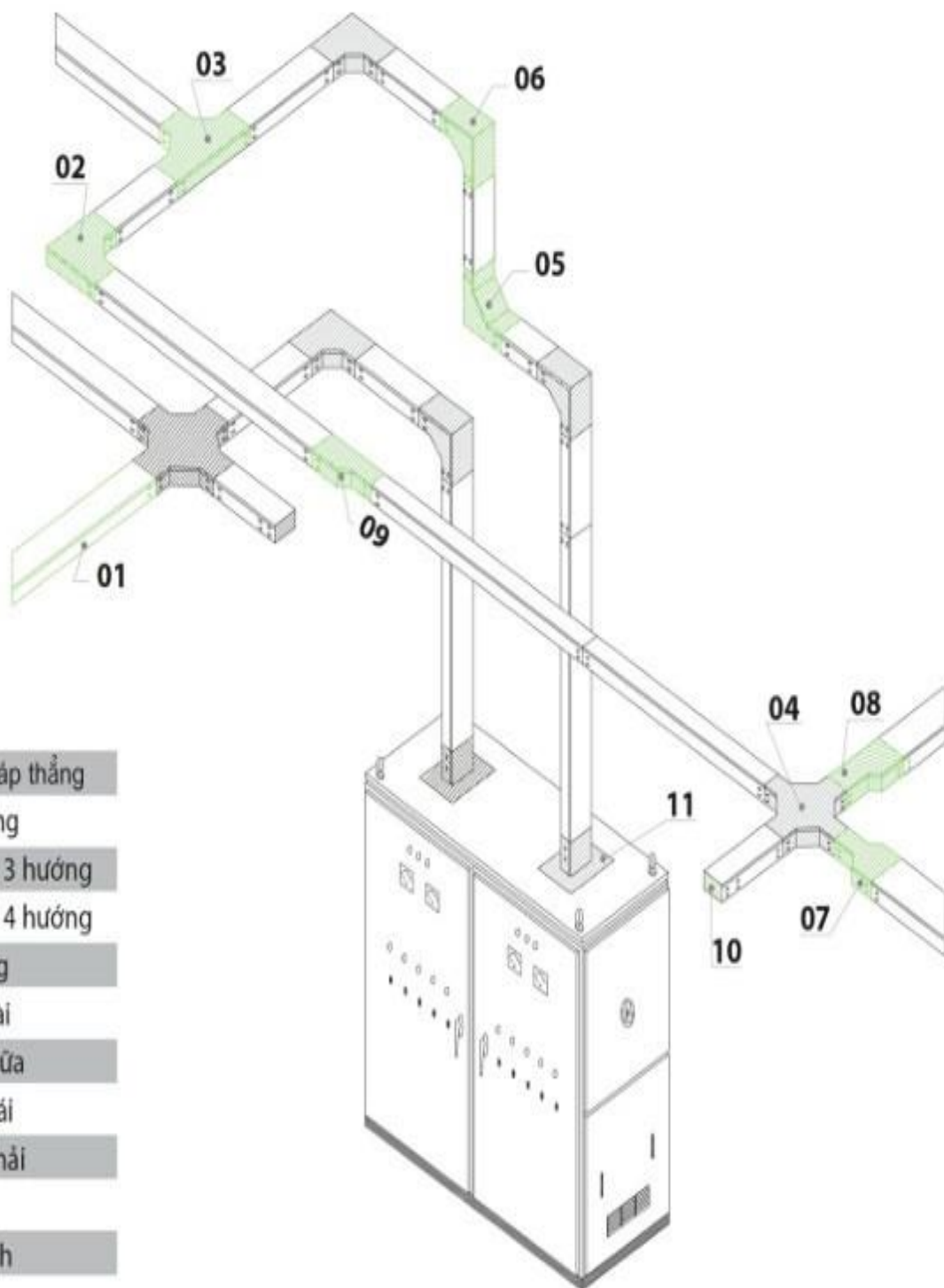
Height Dimensions: 50 to 150 mm

Common Colors: White, wrinkled cream, or orange

Standards: RCVN 10688:2015 / IEC 61537:2006



BASIC COMPONENTS:



01	máng cáp thẳng
02	co phẳng
03	chuyển 3 hướng
04	chuyển 4 hướng
05	co trong
06	co ngoài
07	giảm giữa
08	giảm trái
09	giảm phải
10	bịt đầu
11	mặt bích

➤ Một số quy cách thông dụng *Common sizes* :

MÃ SẢN PHẨM <i>PRODUCT CODE</i>	KÍCH THƯỚC <i>DIMENSION</i>		CHIỀU DÀY <i>T (mm)</i>
	H (mm)	W (mm)	
MC40x60x0.8	40	60	0.8
MC50x50x0.8	50	50	0.8
MC50x75x0.8	50	75	0.8
MC50x100x0.8	50	100	0.8
MC50x150x1.0	50	150	1.0
MC50x200x1.0	50	200	1.0
MC50x300x1.2	50	300	1.2
MC75x75x0.8	75	75	0.8
MC75x100x1.0	75	100	1.0
MC75x150x1.0	75	150	1.0
MC75x200x1.2	75	200	1.2
MC75x300x1.5	75	300	1.5
MC100x100x1.0	100	100	1.0
MC100x150x1.0	100	150	1.0
MC100x200x1.2	100	200	1.2
MC100x300x1.5	100	300	1.5
MC100x400x2.0	100	400	2.0
MC100x500x2.0	100	500	2.0
MC150x150x1.2	150	150	1.2
MC150x200x1.2	150	200	1.2
MC150x300x1.5	150	300	1.5
MC150x400x2.0	150	400	2.0
MC150x500x2.0	150	500	2.0

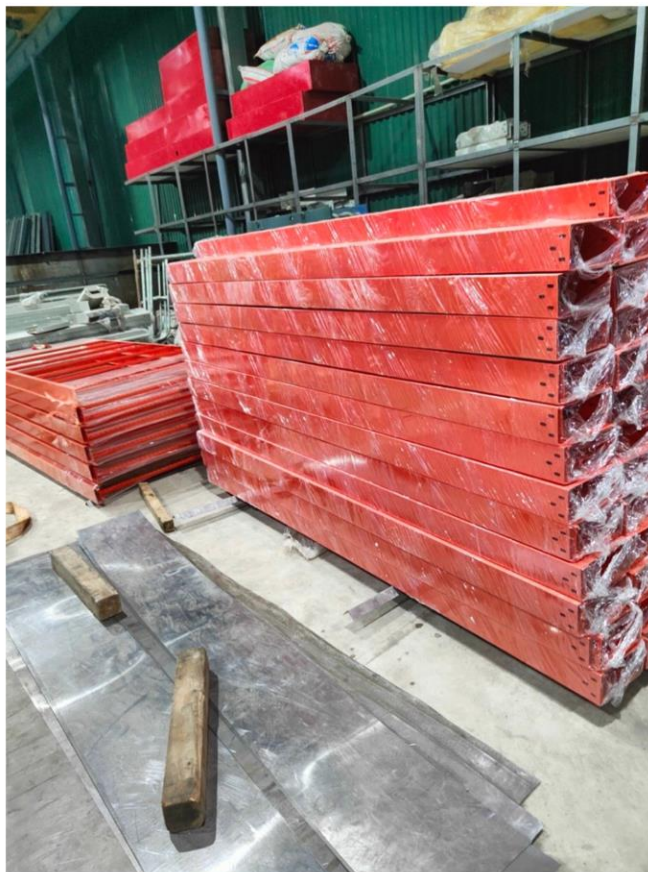
➤ Mã sản phẩm *product code*: **MC** **H** x **W** x **T**

- **MC**: Máng cáp *Trunking*
- **H**: Chiều cao máng cáp *Height*.
- **W**: Chiều ngang máng cáp *Width*.
- **T**: Độ dày vật liệu *Thickness*.

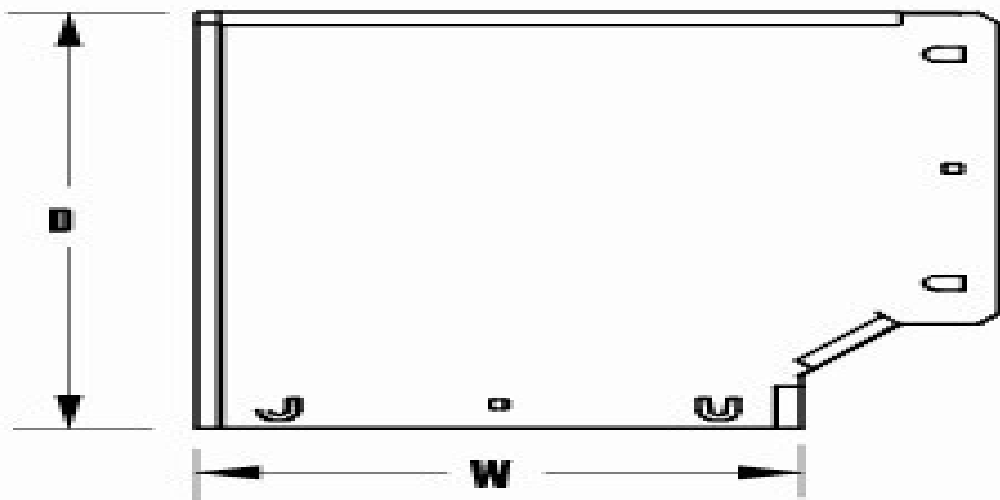
➤ Các thông tin cần thiết khác *Following informations are needed*:

- Vật liệu và hoàn thiện bề mặt *Material and surface finish*
- Có nắp hay không nắp *With or without cover*

➤ Thông tin thêm về dạng lỗ (nếu cần) *Hole type (if needed)*



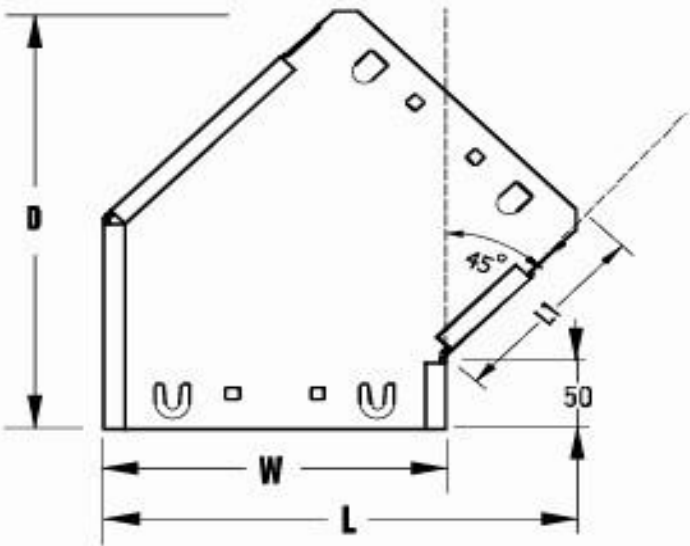
Cable Tray Horizontal Elbow



90°

Chiều rộng cơ bản (W)	90°
	L = D
100	200
200	300
300	400
400	500
500	600
600	700

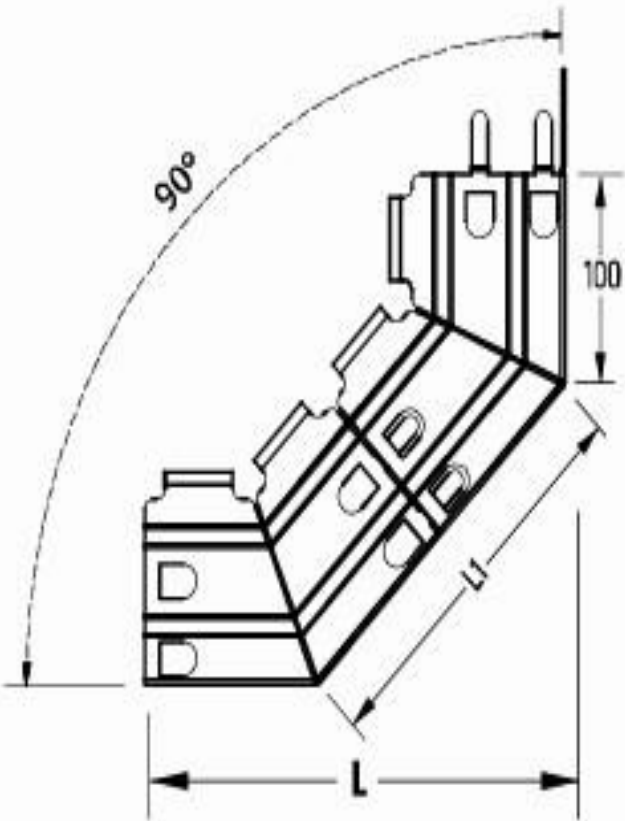
Degree Horizontal Elbow for
Cable Tray



45°

Chiều rộng cơ bản (W)	45°		
	L	L1	D
100	200	71	200
200	300	71	300
300	400	71	400
400	500	71	500
500	600	71	600
600	700	71	700

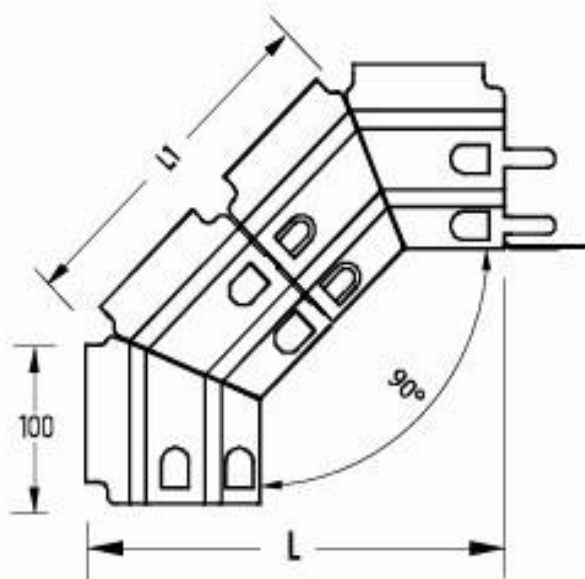
Cable Tray Upward Elbow



Co lên 90°

Chiều cao cơ bản (H)	Co lên 90°	
	L	L1
50	200	142
100	300	142
150	400	142
200	500	142

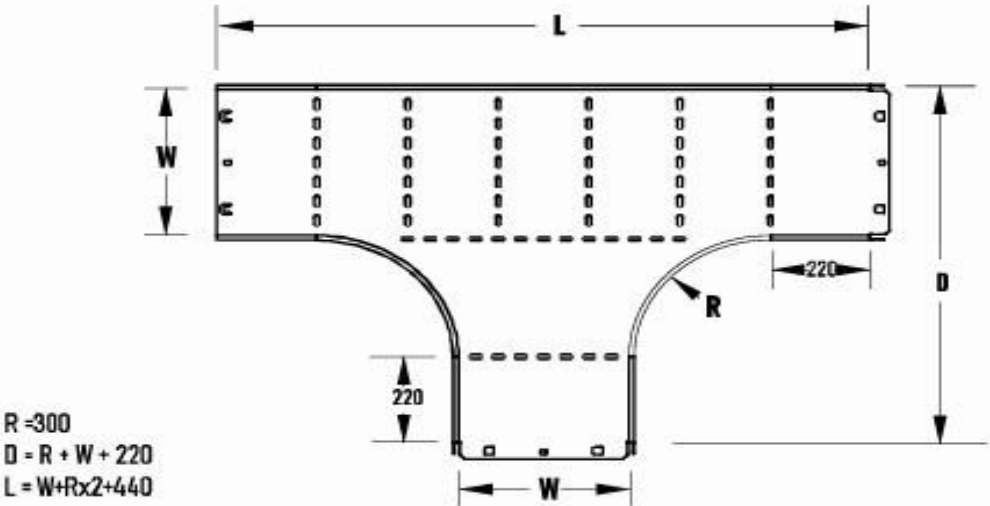
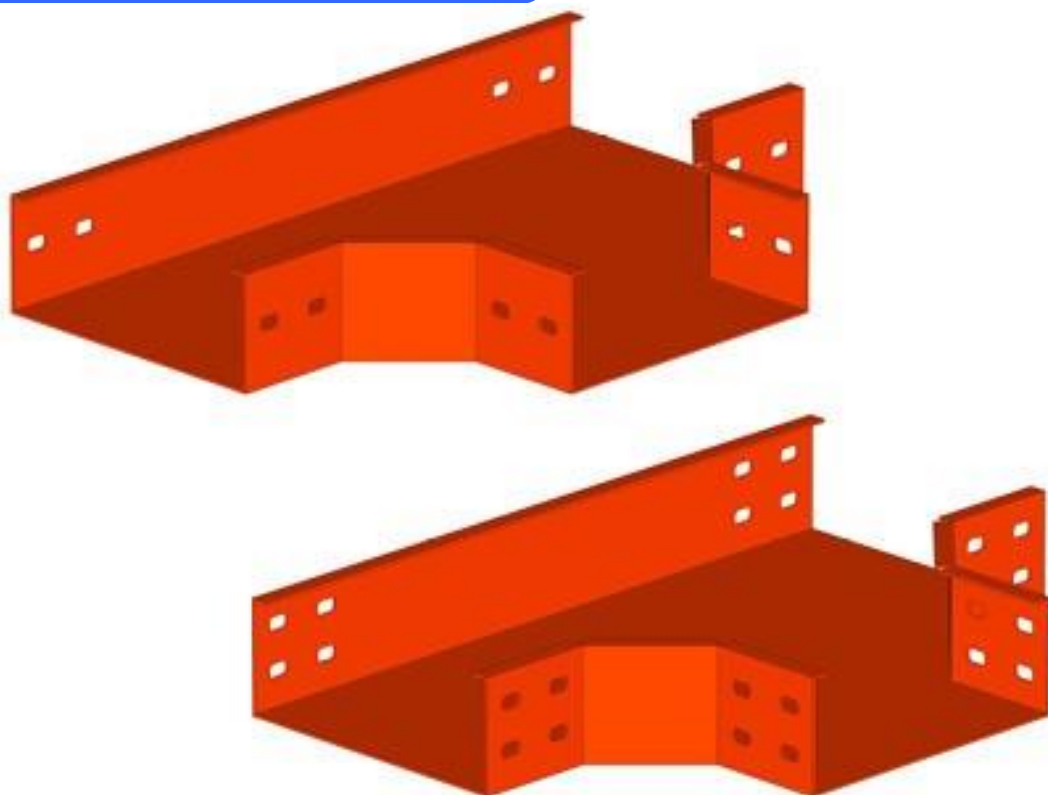
Cable Tray Downward Elbow



Co xuống 90°

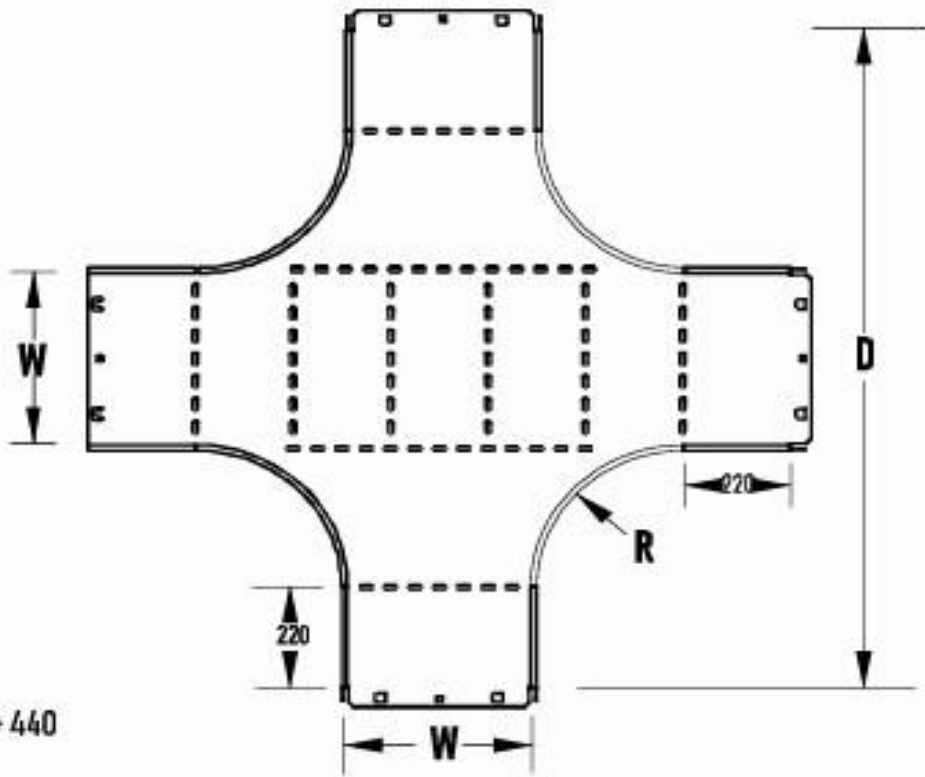
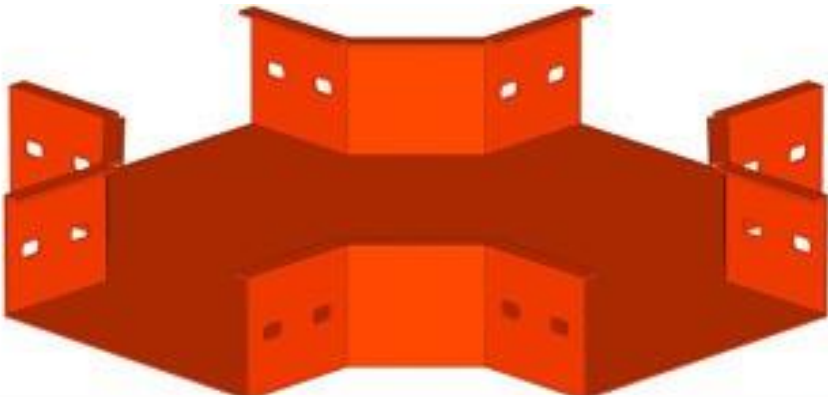
Chiều cao cơ bản (H)	Co xuống 90°	
	L	L1
50	200	142
100	300	142
150	400	142
200	500	142

Cable Tray Tee (Horizontal Tee)



Chiều rộng cơ bản (W)	L	D
100	620	1140
200	720	1240
300	820	1340
400	920	1440
500	1020	1540
600	1120	1640

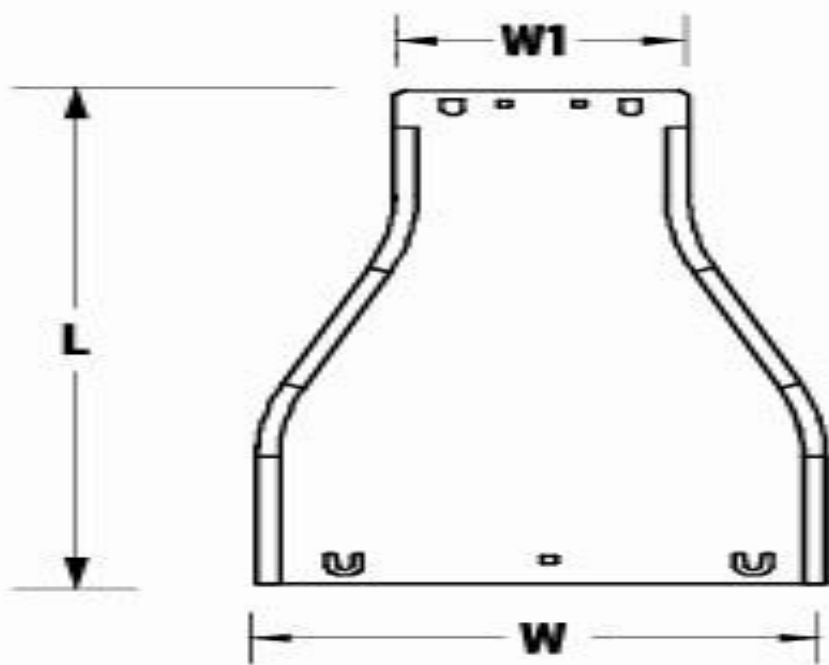
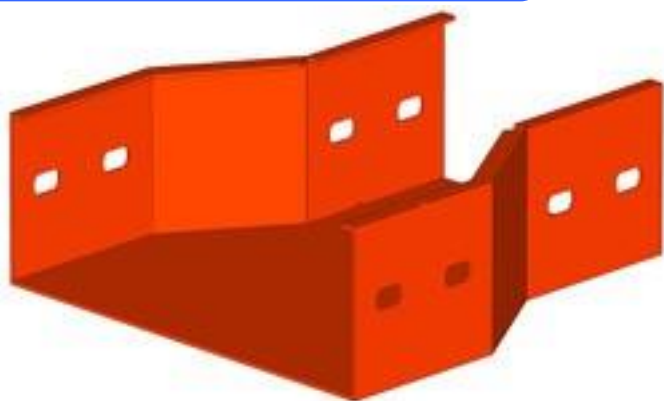
Cable Tray Intersection (or Cross)



$R = 300$
 $D = L = W + R \times 2 + 440$

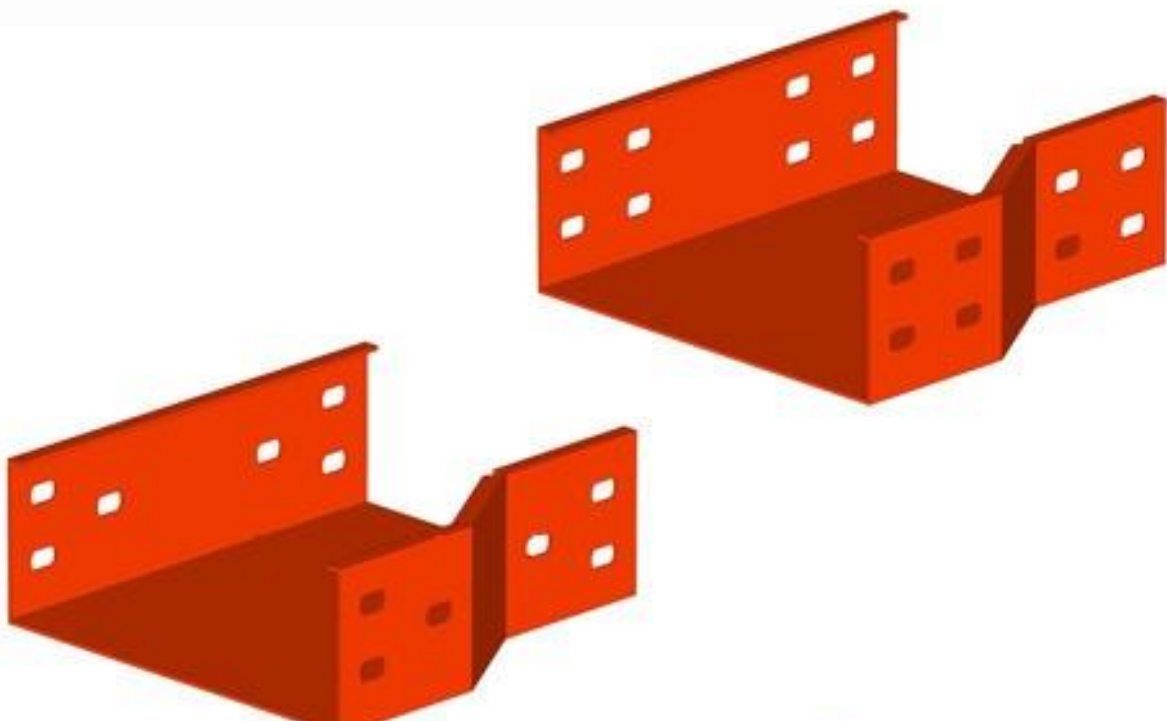
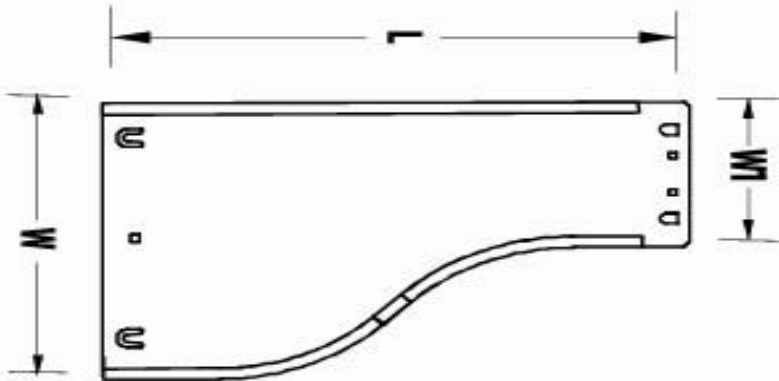
Chiều rộng cơ bản (W)	L	D
100	1140	1140
200	1240	1240
300	1340	1340
400	1440	1440
500	1540	1540
600	1640	1640

Equal Reducer for Cable Tray



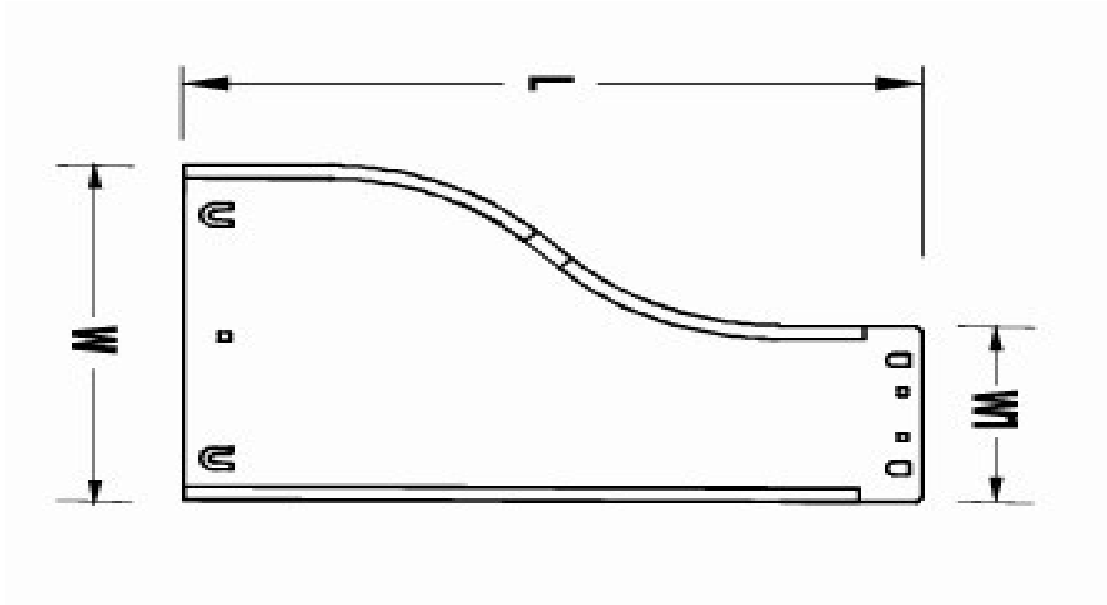
Chiều rộng cơ bản (W)	L	W1
200	350	100
300	350	200
400	350	300
500	350	400
600	400	500

Right Reducer for Cable Tray



Chiều rộng cơ bản (W)	L	W1
200	350	100
300	350	200
400	350	300
500	350	400
600	400	500

Cable Tray Supports and Installation Accessories



Chiều rộng cơ bản (W)	L	W 1
200	350	100
300	350	200
400	350	300
500	350	400
600	400	500

Cable Tray Supports and Installation Accessories



Bát treo ty
Ceiling support bracket



Bát treo
Hanger bracket



V đỡ
Angle support



Bát đỡ sàn
Floor support



Giá đỡ
Arm support



U đỡ
U sharp support



Giá đỡ
Arm support



Giá đỡ
Arm support



Ty treo
Thread rod



Thanh u đa năng 41x21
Channel 41x21



Thanh u đa năng 41x41
Channel 41x41



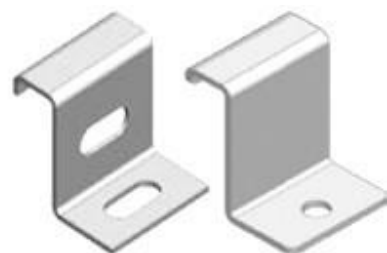
Tán lò xo
Channel nut



Nối xoay dọc
Vertical splice connector



Nối xoay ngang
Horizontal splice connector



Bắt kẹp
Clamp



Kẹp nắp thang máng cáp
Cover clamp



Kẹp nắp thang máng cáp
Cover clamp



Bu long đầu tròn cổ vuông
Round head square neck bolt



Tắc kê đạn
Drop-in anchor



Long đèn phẳng
Flat washer



Long đèn vênh
Spring washer



Bu long
Hex bolt



Tán
Hex nut



Tán bông
Counterbore nut



Tắc kê sắt
Sleeve anchor



Office Address:

House No. 5, 3.6/2 Street, Gamuda Garden Urban Area, Tran Phu Ward,
Hoang Mai District, Hanoi

Factory Address:

Ninh So Commune, Thanh Tri District, Hanoi

Website: cncseiki.com

Email: infor.seikivn@gmail.com

Hotline: 0972007204 - 0962076111